

## **Ex01:**

**As an online shopper, I want to add products to my shopping cart so that I can review and purchase multiple items in one order.**

### **Role (Vai trò)**

Online shopper (Người mua hàng trực tuyến)

### **Goal (Mục tiêu)**

Add products to the shopping cart (Thêm sản phẩm vào giỏ hàng)

### **Benefit (Lợi ích)**

Review and buy multiple items in one checkout process (Xem lại và mua nhiều sản phẩm trong một lần thanh toán)

## **Ex02:**

**As an online shopper, I want to pay for my order using credit cards or e-wallets so that I can complete my purchase securely and conveniently.**

### **Role (Vai trò)**

Online shopper (Người mua hàng trực tuyến)

### **Goal (Mục tiêu)**

Pay for an order using credit cards or e-wallets (Thanh toán đơn hàng bằng thẻ tín dụng hoặc ví điện tử)

### **Benefit (Lợi ích)**

Complete the purchase securely and conveniently (Hoàn tất việc mua hàng một cách an toàn và tiện lợi)

## Ex03:

#	Product Backlog Item (PBI)	Mô tả ngắn	Ưu tiên	Story Points
1	Tạo công việc mới	Người dùng có thể tạo một công việc mới, nhập tiêu đề, mô tả, và ngày hạn hoàn thành	Must have	3
2	Chỉnh sửa công việc	Người dùng có thể chỉnh sửa thông tin công việc đã tạo (tiêu đề, mô tả, ngày hạn)	Must have	2
3	Xóa công việc	Người dùng có thể xóa công việc không còn cần thiết	Must have	1
4	Xem danh sách công việc	Người dùng có thể xem tất cả các công việc của mình, sắp xếp theo ngày hạn hoặc trạng thái	Must have	3
5	Đánh dấu công việc hoàn thành	Người dùng có thể đánh dấu công việc đã hoàn thành và hiển thị trạng thái hoàn thành	Should have	2
6	Tìm kiếm công việc	Người dùng có thể tìm kiếm công việc theo tiêu đề hoặc ngày hạn	Could have	3
7	Nhắc nhở công việc	Hệ thống gửi thông báo nhắc nhở khi đến gần hạn hoàn thành	Could have	5

## Ex04:

#	Product Backlog Item (PBI)	Mô tả ngắn	Ưu tiên	Story Points
1	Tìm kiếm sự kiện	Người dùng có thể tìm kiếm sự kiện theo tên, loại sự kiện, địa điểm hoặc thời gian tổ chức	Must have	3
2	Xem chi tiết sự kiện	Người dùng có thể xem thông tin chi tiết sự kiện: mô tả, thời gian, địa điểm, giá vé	Must have	2
3	Chọn vé	Người dùng có thể chọn số lượng vé và loại vé (thường, VIP, nhóm)	Must have	3
4	Thanh toán vé	Người dùng có thể thanh toán vé bằng thẻ tín dụng hoặc ví điện tử	Must have	5
5	Lịch sử đặt vé	Người dùng có thể xem danh sách các vé đã đặt và trạng thái thanh toán	Should have	2
6	Hủy đặt vé	Người dùng có thể hủy vé chưa sử dụng theo chính sách hủy của sự kiện	Could have	3
7	Nhắc nhở sự kiện	Hệ thống gửi thông báo nhắc nhở người dùng trước khi sự kiện diễn ra	Could have	5

## Ex05:

### 1. Thêm sản phẩm thành công

- Khi khách hàng nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng” trên trang sản phẩm, sản phẩm sẽ xuất hiện trong giỏ hàng.
- Số lượng sản phẩm được cập nhật chính xác nếu khách hàng thêm cùng một sản phẩm nhiều lần.
- Có thông báo xác nhận “Sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng”.

### 2. Hiện thị giỏ hàng chính xác

- Giỏ hàng hiển thị danh sách tất cả các sản phẩm đã thêm, số lượng và giá tiền tương ứng.
- Tổng giá của các sản phẩm được tính chính xác.
- Người dùng có thể xem giỏ hàng từ mọi trang trên website.

### 3. Xử lý lỗi hoặc giới hạn

- Nếu số lượng sản phẩm vượt quá tồn kho, hiển thị thông báo lỗi: “Số lượng vượt quá tồn kho”.
- Không cho phép thêm sản phẩm nếu chưa chọn các tùy chọn bắt buộc (size, màu sắc,...).
- Hệ thống vẫn ổn định và không gây lỗi trang khi thêm nhiều sản phẩm liên tục.

## Ex06:

### 1. Tạo công việc mới

- **Mô tả:** Người dùng có thể tạo công việc mới gồm tiêu đề, mô tả, hạn hoàn thành.
- **Phân loại: Must Have**
- **Lý do:** Đây là chức năng cốt lõi – không có nó thì ứng dụng không thể hoạt động đúng mục đích.

### 2. Chỉnh sửa và cập nhật công việc

- **Mô tả:** Người dùng chỉnh sửa thông tin công việc đã tạo (tiêu đề, mô tả, deadline).
- **Phân loại: Should Have**
- **Lý do:** Quan trọng nhưng không bắt buộc có ngay ở phiên bản đầu tiên.

### 3. Đánh dấu công việc hoàn thành

- **Mô tả:** Người dùng có thể đổi trạng thái công việc sang “Hoàn thành”.
- **Phân loại: Must Have**
- **Lý do:** Cần thiết để người dùng quản lý tiến độ công việc.

## 4. Bộ lọc và tìm kiếm công việc

- **Mô tả:** Tìm kiếm công việc theo tên, trạng thái, ngày tạo hoặc deadline.
- **Phân loại:** **Could Have**
- **Lý do:** Giúp trải nghiệm tốt hơn nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến phiên bản đầu.

## 5. Thông báo nhắc deadline

- **Mô tả:** Gửi thông báo khi gần đến hạn hoàn thành công việc.
- **Phân loại:** **Won't Have**
- **Lý do:** Tính năng nâng cao, có thể phát triển ở tương lai nhưng không cần cho Sprint hiện tại.

## Ex07:

Là một khách hàng, tôi muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng để có thể mua nhiều món trong cùng một đơn hàng.

### Acceptance Criteria (Gherkin)

#### Scenario 1: Thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công

Given người dùng đang xem trang chi tiết sản phẩm

When người dùng nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng”

Then sản phẩm được thêm vào giỏ hàng và số lượng mục trong giỏ tăng lên 1

#### Scenario 2: Thêm sản phẩm đã có trong giỏ hàng

Given người dùng đã có sản phẩm đó trong giỏ hàng

When người dùng nhấn “Thêm vào giỏ hàng” lần nữa

Then số lượng của sản phẩm trong giỏ hàng tăng lên 1 thay vì tạo mục mới

#### Scenario 3: Hiện thị thông báo sau khi thêm vào giỏ

Given người dùng đang xem sản phẩm

When sản phẩm được thêm vào giỏ hàng

Then hệ thống hiện thị thông báo “Đã thêm vào giỏ hàng” để xác nhận hành động

## Ex08:

### 1. Tất cả Acceptance Criteria của User Story đã được triển khai đầy đủ

- Mỗi trường hợp Given – When – Then đều hoạt động đúng như mô tả.
- Không thiếu nhánh xử lý nào trong các tình huống.

## **2. Chức năng được kiểm thử đầy đủ (Unit Test + Manual Test)**

- Đạt 100% test cho các logic chính.
- Tester xác nhận không còn bug mức Blocker / Critical.

## **3. Giao diện hiển thị đúng thiết kế**

- Nút "Thêm vào giỏ hàng", thông báo lỗi, icon, số lượng... đều hiển thị đúng.
- Hoạt động tốt trên cả desktop và mobile.

## **4. Dữ liệu được lưu chính xác**

- Sản phẩm thêm vào giỏ phải được lưu trong session hoặc database đúng định dạng.
- Số lượng cập nhật đúng mỗi lần thêm.

## **5. Không ảnh hưởng đến các chức năng liên quan**

- Không làm lỗi chức năng xem giỏ hàng.
- Không làm lỗi chức năng thanh toán.
- Không làm lỗi hiển thị số lượng giỏ hàng.

## **6. Mã nguồn đạt chuẩn chất lượng**

- Đã review code (Code Review).
- Đã được format và tuân thủ quy tắc coding convention của team.

## **7. Đã được tích hợp vào môi trường staging và hoạt động ổn định**

- Chức năng được kiểm thử trong môi trường giống production.
- Không phát sinh lỗi khi tích hợp.

# **Ex09:**

## **1. Must Have (Bắt buộc phải có)**

Thêm công việc mới

Đánh dấu công việc hoàn thành

Xóa công việc

Đăng nhập/đăng ký

### Lý do:

- Đây là các chức năng cốt lõi để ứng dụng tồn tại và sử dụng được.
- Nếu thiếu một trong các chức năng này, người dùng không thể quản lý công việc đúng nghĩa.

## 2. Should Have (Nên có)

Chỉnh sửa công việc

Thêm deadline

Tìm kiếm công việc

### Lý do:

- Đây là các chức năng nâng cao giúp tăng trải nghiệm người dùng.
- Không nhất thiết phải hoàn thành ngay trong Sprint đầu tiên nhưng **nâng giá trị sử dụng rõ rệt**.

## 3. Could Have (Có thể có)

Gán nhãn/nhóm (label/tag)

Thống kê số lượng công việc đã hoàn thành

### Lý do:

- Đây là cải tiến, giúp tổ chức công việc tốt hơn nhưng không ảnh hưởng tới chức năng chính.
- Có thể đưa vào Sprint sau khi các chức năng quan trọng đã ổn định.

## 4. Won't Have (Không làm trong Sprint này)

Giao diện Dark Mode

### Lý do:

- Không ảnh hưởng đến chức năng quản lý công việc.
- Chỉ là tính năng thẩm mỹ, có thể thêm sau khi hệ thống đã ổn định.

## Ex10:

## 1. Product Backlog gồm 5 User Stories

### User Story 1 – Tạo công việc

**As a user**

**I want** to create a new task

**so that** I can quản lý công việc cá nhân dễ dàng hơn.

#### **Acceptance Criteria (Gherkin):**

**Given** tôi đang ở trang danh sách công việc

**When** tôi nhấn “Tạo công việc mới” và nhập đầy đủ thông tin

**Then** hệ thống lưu và hiển thị công việc mới trong danh sách.

**Given** tôi không nhập tên công việc

**When** tôi nhấn lưu

**Then** hệ thống hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập tên.

**Given** tôi nhập đầy đủ thông tin hợp lệ

**When** tôi nhấn lưu

**Then** hệ thống trả về thông báo tạo thành công.

### User Story 2 – Cập nhật trạng thái công việc

**As a user**

**I want** to mark a task as completed

**so that** tôi có thể theo dõi tiến độ hiệu quả.

#### **Acceptance Criteria:**

**Given** một công việc đang ở trạng thái “Đang làm”

**When** tôi bấm chuyển trạng thái

**Then** hệ thống cập nhật thành “Hoàn thành”.

**Given** công việc đã hoàn thành

**When** tôi mở lại danh sách

**Then** trạng thái vẫn được giữ đúng.

**Given** tôi thao tác sai

**When** hệ thống không thể cập nhật

**Then** tôi nhận thông báo lỗi.

### User Story 3 – Xóa công việc

**As a user**

**I want** to delete a task

**so that** tôi có thể dọn dẹp các công việc không cần thiết.

**Acceptance Criteria:**

**Given** tôi chọn một công việc trong danh sách

**When** tôi nhấn “Xóa”

**Then** hệ thống yêu cầu xác nhận.

**Given** tôi chọn “Đồng ý”

**When** hành động được thực thi

**Then** hệ thống xóa công việc vĩnh viễn.

**Given** tôi chọn “Hủy”

**When** quay lại danh sách

**Then** công việc vẫn được giữ nguyên.

### User Story 4 – Thêm mô tả chi tiết cho công việc

**As a user**

**I want** to add a detailed description to my task  
**so that** tôi có thể ghi chú chi tiết và dễ theo dõi hơn.

**Acceptance Criteria:**

**Given** tôi đang trong màn hình chỉnh sửa

**When** tôi nhập mô tả

**Then** hệ thống lưu mô tả vào công việc.

**Given** mô tả quá dài

**When** vượt giới hạn ký tự

**Then** hệ thống báo lỗi và không cho lưu.

**Given** thông tin hợp lệ

**When** tôi lưu lại

**Then** mô tả được cập nhật thành công.

### User Story 5 – Tìm kiếm công việc

**As a user**

**I want** to search for tasks  
**so that** tôi có thể tìm nhanh công việc trong danh sách lớn.

**Acceptance Criteria:**

**Given** tôi nhập từ khóa

**When** tôi nhấn tìm kiếm

**Then** hệ thống chỉ hiển thị các công việc phù hợp.

**Given** từ khóa không khớp

**When** tìm kiếm

**Then** hệ thống hiển thị “Không có kết quả”.



**Given** tôi xóa từ khóa

**When** làm mới

**Then** tất cả công việc được hiển thị lại.

## 2. Phân loại MoSCoW

User Story	Phân loại	Lý do
Tạo công việc	Must have	Chức năng cốt lõi của ứng dụng quản lý công việc.
Cập nhật trạng thái công việc	Must have	Cần thiết để theo dõi tiến độ – giá trị cao.
Xóa công việc	Should have	Quan trọng nhưng có thể tạm trì hoãn.
Thêm mô tả chi tiết	Could have	Tính năng cải tiến, không ảnh hưởng chức năng chính.
Tìm kiếm công việc	Should have	Giúp trải nghiệm tốt hơn với danh sách lớn.

## 3. Phân tích thay đổi & lý do

- **Tạo công việc** → **Must have**: Không có tính năng này, toàn bộ ứng dụng mất chức năng chính.
- **Cập nhật trạng thái** → **Must have**: Giúp theo dõi tiến độ, rất quan trọng với người dùng.
- **Xóa công việc** → **Should have**: Không bắt buộc ngay, nhưng giúp dọn dẹp và quản lý tốt hơn.
- **Thêm mô tả** → **Could have**: Không phải chức năng trọng yếu, có thể phát triển sau.
- **Tìm kiếm** → **Should have**: Cần thiết khi số lượng công việc lớn, cải thiện hiệu suất sử dụng.